

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **83** /UBND-KTTH

Quảng Ngãi, ngày **08** tháng 01 năm 2016

V/v giải quyết kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV ĐẾN	Số:..... 291
	Ngày: 08/01/16
	Chuyên:.....

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học, UBND tỉnh Quảng Ngãi tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính như sau:

Tổng kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên tỉnh Quảng Ngãi là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học trong 02 năm 2014-2015 là **1.031.550.000 đồng**, cụ thể:

1. Năm 2014: số sinh viên được hỗ trợ chi phí học tập là 98, nhu cầu kinh phí thực hiện 617.550.000 đồng, cụ thể:

- Học kỳ II năm học 2013-2014 (từ tháng 01 đến 5/2014): 78×690.000 đồng x 5 tháng/năm học = 269.100.000 đồng;

- Học kỳ I năm học 2014-2015 (từ tháng 8 đến tháng 12/2014): 78×690.000 đồng x 5 tháng/năm học = 269.100.000 đồng;

- Học kỳ II năm học 2014-2015 (từ tháng 01 đến tháng 5/2015) 21×690.000 đồng x 5 tháng/năm học = 72.450.000 đồng.

2. Năm 2015: số sinh viên được hỗ trợ chi phí học tập là 60, nhu cầu kinh phí thực hiện 414.000.000 đồng, cụ thể:

- Học kỳ I năm học 2015-2016 (từ tháng 8 đến tháng 12/2015): 60×690.000 đồng x 5 tháng/năm học = 207.000.000 đồng.

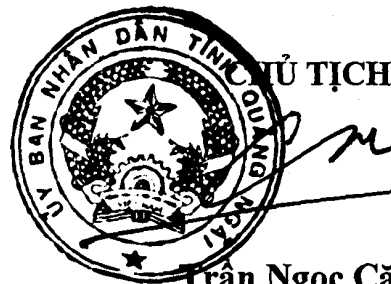
- Học kỳ II năm học 2015-2016 (từ tháng 1 đến tháng 5/2016): 60×690.000 đồng x 5 tháng/năm học = 207.000.000 đồng.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Đề tạo điều kiện cho sinh viên tỉnh Quảng Ngãi được hưởng chính sách hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học, UBND tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét, giải quyết khoản kinh phí nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở: Tài chính, Lao động-TB và XH, Giáo dục và Đào tạo;
- VPUB: CPVP (VX), P.VX, CBTH;
- Lưu:VT, KHTHhtlv07.

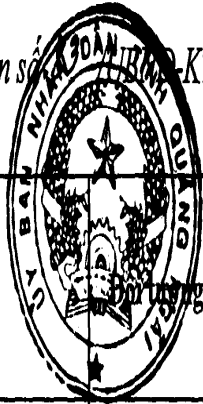


Trần Ngọc Căng

Phụ lục

(Kèm theo Công văn số ~~18~~ ¹⁸ /KTTH ngày 08/01/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng



TT	Chỉ tiêu	Số tháng hỗ trợ	Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	NSNN hỗ trợ	Mức hỗ trợ từ NSTW	Tổng nhu cầu kinh phí NSTW hỗ trợ năm 2014
1	2	3	4	5	6=3*4*5	7	8=6
	Tổng số						
	Đối tượng sinh viên thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo TTLT số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC						
-	Sinh viên thuộc hộ nghèo và cận nghèo						1.031,550
A	Năm 2014						617,550
1	Huyện Ba Tơ	1	10	0,69	6,900		6,900
2	Huyện Trà Bồng	1	10	0,69	6,900		6,900
3	Trường Đại học Phạm Văn Đồng	77	10	0,69	531,300		531,300
		21	5	0,69	72,450		72,450
B	Năm 2015						414,000
	Huyện Ba Tơ	2	10	0,69	13,800		13,800
	Huyện Trà Bồng	2	10	0,69	13,800		13,800
	Trường Đại học Phạm Văn Đồng	56	10	0,69	386,400		386,400

Ghi chú:

+ (1) Trường hợp đã hỗ trợ chi phí học tập theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT thì mức hỗ trợ chi phí học tập là mức chênh lệch giữa Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT và Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT

+ Thời gian tính hưởng hỗ trợ tại Thông tư này kể từ ngày 01/01/2014